

Số: /BC-UBND

Yên Phong, ngày 06 tháng 11 năm 2024

DỰ THẢO

## BÁO CÁO

### Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024 đối với xã Long Châu, huyện Yên Phong

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu và các bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 25/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi một số chỉ tiêu, tiêu chí của Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022-2025 và Quy định một số chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Hướng dẫn số 1370/HD-SNN ngày 06/8/2024 (thay thế Hướng dẫn số 828/HD-SNN ngày 06/6/2023) của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện các Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ đề nghị của UBND xã Long Châu tại Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 24/10/2024 về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Long Châu, UBND huyện Yên Phong báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2024 đối với xã Long Châu, cụ thể như sau:

## **I. KẾT QUẢ THẨM TRA**

Thời gian thẩm tra (từ ngày 25/10/2024 đến ngày 30/10/2024):

### **1. Về hồ sơ:**

- Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 24/10/2024 của UBND xã Long Châu đề nghị thẩm tra, xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Biên bản họp ngày 22/10/2024 của UBND xã Long Châu đề nghị xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Báo cáo số 104/BC-UBND ngày 04/10/2024 của UBND xã Long Châu về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao (kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao).

- Báo cáo số 116/BC-UBND ngày 21/10/2024 của UBND xã Long Châu về tổng hợp ý kiến tham gia của MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội của xã đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao.

- Báo cáo của UBND xã Long Châu về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn xã.

- Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới nâng cao.

### **2. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao:**

#### **2.1. Công tác chỉ đạo, điều hành:**

- Ban Chấp hành Đảng bộ xã ban hành Nghị quyết số 218 NQ/ĐU ngày 25/12/2023 về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng xã đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2022-2025;

- Quyết định số 285/QĐ-UBND, ngày 31/12/2023 về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Long Châu, giai đoạn 2022-2025.

- Phân công số 01/PC-BCĐ ngày 31/12/2023 về việc phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới nâng cao trên địa bàn xã Long Châu, giai đoạn 2022-2025.

- Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 25/03/2021 về thực hiện xây dựng xã Long Chau đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

#### **2.2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn:**

##### **a) Công tác truyền thông.**

Công tác tuyên truyền, phổ biến về các chủ trương, chính sách về xây dựng NTM được Ban chỉ đạo, Ban quản lý Chương trình xây dựng NTM xã quan tâm triển khai, phổ biến đến cán bộ, Đảng viên và các tầng lớp nhân dân tại 4 thôn với nhiều hình thức, giúp cho cán bộ và nhân dân hiểu rõ hơn mục đích, nội dung, tư tưởng chỉ đạo của Trung ương, tỉnh, huyện, xã về xây dựng NTM để nhân dân chủ động tham gia vào các nội dung xây dựng NTM.

Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, băng zôn, khẩu hiệu để tuyên truyền các văn bản hướng dẫn, triển khai thực hiện Chương trình xây dựng NTM do Trung ương, tỉnh, huyện ban hành.

Ban Chỉ đạo xã đã triển khai đề cương tuyên truyền về nông thôn mới nâng cao và tổ chức tuyên truyền về các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước, các nhiệm vụ cụ thể của xã về nội dung xây dựng nông thôn mới: Đề án quy hoạch nông thôn mới cấp xã qua từng giai đoạn; Kế hoạch duy trì, củng cố và nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM giai đoạn 2017 – 2020; Kế hoạch xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, gắn với chương trình OCOP giai đoạn 2021-2025 với chủ đề: xây dựng xã Long Châu “*Nông thôn mới gắn với xây dựng Văn hoá xã hội ở khu dân cư*”,

Qua công tác tuyên truyền vận động, ý thức của người dân được nâng lên, người dân hiểu rõ xây dựng nông thôn mới nâng cao là quyền lợi và nghĩa vụ của mình; Mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao chủ yếu là phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân, nâng cấp cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và người dân là vai trò là chủ thể quan trọng, từ đó đã tích cực tham gia, thể hiện qua các việc làm cụ thể như: Đóng góp ngày công lao động làm các công trình phúc lợi xã hội, công trình thủy lợi, kênh mương nội đồng, xây dựng đường giao thông nông thôn; áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất để chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển kinh tế gia đình nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế Hợp tác xã, xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp.

#### **b) Công tác đào tạo, tập huấn.**

- Được sự hỗ trợ của Ban chỉ đạo tỉnh, huyện giai đoạn từ năm 2017 -2024, Các thành viên trong ban chỉ đạo xây dựng NTM xã và cán bộ chủ chốt các thôn đã tích cực tham gia các lớp tập huấn về xây dựng NTM do tỉnh tổ chức. UBND cũng đã phối hợp với Ban chỉ đạo xây dựng các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bắc Ninh tổ chức

được 01 lớp tập huấn cho 100 đại biểu là các thành viên Ban quản lý xã, thôn và các thành viên tiêu biểu ở các thôn

- UBND xã đã tổ chức hội nghị triển khai nội dung quy định mới về việc thực hiện 19 tiêu chí xã NTM nâng cao theo Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu và các bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 25/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi một số chỉ tiêu, tiêu chí của Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022-2025 và Quy định một số chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025; Hướng dẫn số 1370/HD-SNN ngày 06/8/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thực hiện các Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2022-2025 cho các đồng chí là Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn và cấp ủy các thôn, toàn thể các thành viên Ban chỉ đạo.

### **2.3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân:**

#### **a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.**

- Việc phát triển sản xuất và nâng cao thu nhập cho người dân tiếp tục được quan tâm, các thôn đã xây dựng các phương án sản xuất với quy mô hàng hóa, liên kết các vùng sản xuất, đưa các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, các phương án phát triển sản xuất quy mô vừa và nhỏ theo hình thức liên kết, các mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả tiếp tục được nhân rộng.

- Công tác đào tạo nghề và ứng dụng các tiến bộ của khoa học kỹ thuật ngày càng được nhân rộng tại các hộ gia đình trong các thôn, trong đó các ngành nghề phi nông nghiệp ngày càng được phát triển đặc biệt là nghề mộc, các ngành nghề khung nhôm kính. Kinh doanh phòng trọ, kinh doanh cửa hàng tạp hoá tiện lợi, dịch vụ ăn uống phục vụ công nhân lưu trú trên địa bàn.

- Kết quả trong giai đoạn từ năm 2015-2024, năng suất lúa tăng từ 57 tạ/ha năm 2015, lên 65,6 tạ/ha năm 2023. Giá trị sản xuất trên 1 ha canh tác năm 2015 đạt 36 triệu đồng đến năm 2023 đạt 113 triệu đồng; năm 2024 toàn xã có 5450 lao động tham gia

các ngành nghề nông thôn như: Sản xuất nông nghiệp, nghề mộc, xây dựng, cơ khí, vận tải nhỏ và tham gia làm trong các khu cụm công nghiệp. Trong lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ, toàn xã có 550 hộ sản xuất kinh doanh cá thể, trong đó: Có 15 hộ sản xuất và kinh doanh đồ gỗ; 20 hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống; 30 hộ bán hàng tạp hoá, 05 hộ nấu Rượu; 25 hộ làm nghề nhôm kính, cơ khí nhỏ; 20 hộ gia đình kinh doanh vận tải, 15 hộ thu mua phế liệu, kính vụn, 400 hộ kinh doanh phòng trọ; 20 doanh nghiệp tư nhân, trong đó có 15 doanh nghiệp đang hoạt động có hiệu quả. 3.500 công nhân lao động làm việc tại khu Công nghiệp, cụm Công nghiệp. Toàn xã đã thành lập được 4 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tại 4 thôn.

### **b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.**

Nhân dân trên địa bàn xã liên tục đẩy mạnh các ngành nghề sản xuất kinh doanh truyền thống như: làm nan vàng, hàng mã, vật liệu xây dựng, thợ nề, dịch vụ vận tải, ... trong đó tập trung ứng dụng khoa học kỹ thuật, nâng cao trình độ tay nghề, liên kết sản xuất, áp dụng máy móc nâng cao năng suất lao động, qua đó tăng thu nhập cho người dân trên địa bàn xã. Hàng năm, nguồn thu từ các ngành nghề sản xuất, thương mại, dịch vụ đã góp phần nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân trong xã, tạo công ăn việc làm cho lao động tại chỗ.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình trạng phát triển nhanh về các nhà trọ, các sở sản xuất kinh doanh dẫn đến ảnh hưởng đến chất lượng môi trường sống của người dân.

### **c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.**

- Được sự chỉ đạo, lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, sự hưởng ứng tích cực của các ban, ngành, các tổ chức đoàn thể từ xã đến thôn, các doanh nghiệp và sự nỗ lực của nhân dân xã nhà nên đã đạt được nhiều kết quả trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, nhất là hộ nghèo, hộ chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội.

- Các tổ chức chính trị - xã hội đã triển khai và nhân rộng nhiều mô hình giảm nghèo có hiệu quả, phối hợp với Ngân hàng chính xã hội huyện hỗ trợ vay vốn đối với các hộ nghèo, hộ cận nghèo vay vốn để phát triển sản xuất của hội nông dân, hội

phụ nữ, hội Cựu chiến binh, đoàn thanh niên... Trong nhiều năm qua, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm đáng kể. Phần đầu thời gian tới, xã Long Châu không còn hộ nghèo.

- Hàng năm MTTQ phát động cuộc vận động “quỹ vì người nghèo”, phong trào được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân hưởng ứng tích cực, thể hiện tình cảm tương thân, tương ái, tính nhân văn sâu sắc, góp phần vào công tác xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội và phong trào toàn dân chung sức xây dựng nông thôn mới.

#### **2.4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

- Thực hiện chương trình xây dựng NTM nâng cao, trong giai đoạn từ năm 2017-2024, UBND xã tiếp tục đầu tư kinh phí để xây dựng cơ sở hạ tầng hoàn thiện các tiêu chí còn thiếu như: Hội trường, nhà văn hóa các thôn, các trường, lớp học, các chợ dân sinh, các tuyến đường giao thông nông thôn, giao thông nội đồng .v.v... với tổng số tiền đầu tư trực tiếp vào xây dựng NTM là 293.716 triệu đồng, trong đó:

+ Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp là 4.352 triệu đồng

+ Vốn lập quy hoạch NTM nâng cao định hướng lên Phường là ....triệu đồng.

+ Vốn đầu tư vào xây dựng cơ bản là 289.364 triệu đồng, trong đó

Ngân sách tỉnh, huyện là 68.313 triệu đồng

Ngân sách xã là 221.051 triệu đồng

- Vốn lồng ghép từ các chương trình xóa đói giảm nghèo, NSVSMT, HSSV cho phát triển KTXH là 37,3 triệu đồng

Giai đoạn từ năm 2017-2024 việc xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu đã cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân trong toàn xã.

- Tổng số nợ đọng trong Chương trình xây dựng nông thôn mới là 14.700 triệu đồng.

#### **3. Công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới:**

Xã Long Châu đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016 tại Quyết định 1541/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của UBND tỉnh Bắc Ninh V/v công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2016. Đến nay xã vẫn tiếp tục duy trì và đảm bảo yêu cầu của 19/19 tiêu chí thuộc bộ tiêu chí xã NTM giai đoạn 2021 - 2025.

#### **4. Kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao:**

##### **4.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng còn thời hạn, hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí:**

1.1. Có quy hoạch chung xây dựng còn thời hạn, hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch

- UBND xã Đông Phong nằm trong quy hoạch các phân khu phía Đông Bắc thị trấn Chờ, phân khu phía Đông Nam thị trấn Chờ và phân khu phía Đông huyện Yên Phong, cụ thể như sau:

- Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh v/v Phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 khu vực phía Đông huyện Yên Phong (phân khu số 5).

- Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh v/v Phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 khu vực phía Đông Bắc Chờ, huyện Yên Phong (phân khu số 3).

- Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 26/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh v/v Phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 khu vực phía Đông Nam thị trấn Chờ, huyện Yên Phong (phân khu số 25).

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

Thực hiện quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch căn cứ theo văn bản số 552/UBND-KTHT ngày 16/4/2024 của UBND huyện Yên Phong V/v hướng dẫn tạm thời một số nội dung làm cơ sở cấp phép xây

dựng, quản lý trật tự xây dựng các công trình nhà ở riêng lẻ trên địa bàn huyện Yên Phong.

1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên.

- Quyết định số 5083/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của UBND huyện Yên Phong v/v phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung tỷ lệ 1/5.000 xây dựng xã Đông Phong, định hướng lên phường.

- Khu nhà ở đầu giá QSDĐ tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng tại thôn Đông Xá, xã Đông Phong, huyện Yên Phong;

- Điểm dân cư nông thôn thôn Đông Xá, xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;

- Khu nhà ở dân cư dịch vụ thôn Phong Xá, xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;

- Khu nhà ở đầu giá QSDĐ và dân cư dịch vụ thôn Đông Yên, xã Đông Phong, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;

- Khu nhà ở và dịch vụ cho công nhân viên Khu công nghiệp Yên Phong tại xã Đông Phong, huyện Yên Phong.

**c) Đánh giá:** Mức độ đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch: Đạt

## **4.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông:**

### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì định kỳ, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết: biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...

2.2. Tỷ lệ đường thôn, và đường liên thôn

a. Được cứng hóa và bảo trì theo định kỳ

b. Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa



## **b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:**

2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì định kỳ, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết: biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...

- Trong giai đoạn từ 2016 đến nay, UBND xã đã bố trí nguồn kinh phí để cải tạo, nâng cấp, bảo trì 100% các tuyến đường xã với chiều dài 5,8/5,8 km (100%) đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết: biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể định kỳ hàng tháng, hàng tuần phát động phong trào “Ngày chủ nhật xanh”, giao các tuyến đường cho các chi hội thực hiện “tuyến đường tự quản” đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

### 2.2. Tỷ lệ đường thôn, và đường liên thôn

#### a. Được cứng hóa và bảo trì theo định kỳ

- Hiện tại, tất cả các tuyến đường thôn và đường liên thôn đều được cứng hóa, đảm bảo xe cộ đi lại thuận tiện quanh năm. Khối lượng: 8,5km/8,5 km = 100%.

b. Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

- Hiện tại, 100% các tuyến đường thôn và đường liên thôn đều có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp. Khối lượng: 14/14 điểm = 100%.

### 2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp.

- Hiện tại, tất cả các tuyến đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, đảm bảo xe cộ đi lại thuận tiện quanh năm. Khối lượng 20,8 km/20,8 km = 100%.

2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa.

- Hiện tại, cơ bản các tuyến đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa. Còn một số tuyến ở đồng Đông Xá sẽ tiếp tục được đầu tư thực hiện đổ bê tông trong năm 2024. Khối lượng 13,7/13,7 km = 100%.

**c) Đánh giá:** Mức độ đạt tiêu chí số 2 về Giao thông: Đạt.

## **4.3 Tiêu chí số 3 về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động  $\geq 90\%$ .

3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả.

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước  $\geq 20\%$ .

3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm  $\geq 100\%$ .

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

**b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:**

3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động  $\geq 90\%$ .

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động là 405,6/425,4 đạt 95,3%

1. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới chủ động

TT	Cây trồng	Diện tích gieo trồng cần được bảo đảm tưới theo kế hoạch (ha)	Diện tích gieo trồng thực tế được tưới chủ động (ha)
<b>1</b>	<b>Cây hàng năm</b>		
	Lúa xuân	204,7	194,3
	Lúa hè thu		
	Lúa mùa	194,3	194,3
	Rau, màu	26,4	17
<b>2</b>	<b>Cây lâu năm</b>		
	Cây ăn quả		
	Cây công nghiệp		

	Tổng cộng	425,4	405,6
	T <sub>tươi</sub> (%)	$(405,6/425,4)*100\%= 95,3\%$	

2. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tiêu chủ động

TT	Loại đất phân theo mục đích sử dụng đất	Diện tích gieo trồng cần tiêu theo kế hoạch (ha)	Diện tích thực tế được tiêu chủ động (ha)
<b>1</b>	<b>Cây hàng năm</b>		
	Lúa đông xuân	204,7	194,3
	Lúa hè thu		
	Lúa mùa	194,3	194,3
	Rau, màu	26,4	17
<b>2</b>	<b>Cây lâu năm</b>		
	Cây ăn quả		
	Cây công nghiệp		
	Tổng cộng	425,4	405,6
	T <sub>tiêu</sub> (%)	$(405,6/425,4)*100\%= 95,3\%$	

3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả.

- Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Đương, Xí nghiệp khai thác công trình thủy lợi Yên Phong là đơn vị thực hiện công tác tưới tiêu nông nghiệp.

3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước  $\geq 20\%$ .

- Đối với cây lúa:

Số diện tích lúa được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước là 288,6/399 ha đạt tỷ lệ 100%.

Đối với cây lúa:

TT	Vụ sản xuất	Diện tích gieo trồng lúa theo quy hoạch/kế hoạch của xã (ha)	Diện tích gieo trồng lúa thực tế áp dụng biện pháp canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước (ha)	Ghi rõ biện pháp canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước được áp dụng

1	Vụ xuân	204,7	194,3	Áp dụng biện pháp tưới ướt khô xen kẽ.
2	Vụ hè thu			
3	Vụ mùa	194,3	194,3	
Tổng cộng		399	388,6	
TK(%)		(388,6/399)*100%=97,4%		

3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm  $\geq 100\%$ .

- 100% hệ thống thủy lợi, kênh mương nội đồng đều được các Tổ trưởng tổ hợp tác, giám đốc HTX thường xuyên nạo vét, khơi thông, vét bùn, bảo trì hàng năm, hàng vụ, đảm phục vụ sản xuất cho nhân dân.

3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi:

- UBND xã có thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn nước thải, tổ chức quản lý nguồn nước thải trên địa bàn theo thẩm quyền hoặc theo phân công, phân cấp.

**Bảng: Thống kê nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi**

TT	Tên kênh mương - Công trình	Tên tổ chức/cá nhân xả nước thải	Địa chỉ tổ chức/cá nhân xả thải	Vị trí xả thải		Loại nước thải	Lưu lượng xả	Chế độ xả	Biện pháp xử lý	Giấy phép (có ghi C, không ghi K)
				Địa giới hành chính	Vị trí trên kênh					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Kênh Mẫn Xá	Các hộ dân trong thôn	Mẫn Xá	Mẫn Xá	Cống Mẫn Xá	Nước thải sinh hoạt	68.000 lít/ngày đêm	Không liên tục	không	K
2	Kênh Ngô Xá	Các hộ dân trong thôn	Ngô Xá	Ngô Xá	Cống Ngô Xá	Nước thải sinh hoạt	58.650 lít/ngày đêm	Không liên tục	không	K
3	Kênh Chi Long	Các hộ dân trong thôn	Chi Long	Chi Long	Cống Chi Long	Nước thải sinh hoạt	51.000 lít/ngày đêm	Không liên tục	không	K
4	Kênh Đại Chu	Các hộ dân trong thôn	Đại Chu	Đại Chu	Cống Đại Chu	Nước thải sinh hoạt	39.400 lít/ngày đêm	Không liên tục	không	K

3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

- Xã thành lập và kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai - tìm kiếm cứu nạn; Phân công cụ thể, thể hiện rõ trách nhiệm của từng bộ phận, từng thành viên Ban chỉ huy; 100% cán bộ, công chức tham gia trực tiếp công tác, phòng, chống thiên tai. Hàng năm xã tổ chức hướng dẫn, tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ cho Ban chỉ huy và 100% số đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã, đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra.

- Xã ban hành đầy đủ các văn bản, hướng dẫn về công tác phòng, chống thiên tai, đảm bảo được triển khai chủ động và có hiệu quả, ứng phó được các loại hình thiên tai, thường xuyên xảy ra trên địa bàn theo phương châm “4 tại chỗ”; thực hiện phê duyệt các phương án PCTT theo đúng quy định của Luật.

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của cả cộng đồng về các loại hình thiên tai, kinh nghiệm, kiến thức phòng tránh, nhất là việc chủ động phương án ứng phó, khắc phục hậu quả với mưa lớn. Xác định phòng chống, ứng phó, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của cộng đồng dân cư trên địa bàn.

**c) Đánh giá:** Mức độ đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi và Phòng chống thiên tai: Đạt

#### **4.4. Tiêu chí số 4 về Điện:**

##### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định.

##### **b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:**

Trên địa bàn toàn xã có 2553 hộ /2553 hộ đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định, đạt tỷ lệ 100%.

**c) Đánh giá:** Mức độ đạt tiêu chí số 4 về Điện: Đạt

#### **4.5. Tiêu chí số 5 về Giáo dục:**

##### **a) Yêu cầu của tiêu chí:**

5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi .

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS. Mức độ 3.

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ. Mức độ 2.

5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại. Khá

5.6 Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

#### **b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:**

5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2.

- Trường mầm non Long Châu có 02 khu đất tại thôn Chi Long có diện tích là 4730 m<sup>2</sup>, thôn Đại Chu có diện tích 7000 m<sup>2</sup>.

Năm 2023 nhà trường đã được đánh giá được công nhận trường chuẩn quốc gia mức độ 2 tại Quyết định số 478/QĐ- UBND ngày 18/4/2023 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

- Trường tiểu học Long Châu được xây dựng trên khuôn viên có diện tích 8839m<sup>2</sup>. Trường có khuôn viên riêng biệt. Các dãy lớp học, khu nhà hiệu bộ, phòng học bộ môn được xây dựng liên kết theo hình chữ nhật không khép kín bám sát tường bao. Cơ cấu các khối lớp học được bố trí hợp lý, các lớp học sạch sẽ và thoáng mát. Trong đó khu phòng học cơ bản có 30 lớp đạt tiêu chuẩn và quy cách, đảm bảo mỗi lớp một phòng học riêng. Khu phòng học bộ môn gồm 2 phòng Ngoại ngữ, 1 phòng Tin học, 1 phòng Âm nhạc, 1 phòng mỹ thuật, 01 phòng đọc thư viện. Khu nhà hiệu bộ khang trang có đầy đủ các phòng làm việc, phòng thư viện, phòng thiết bị, phòng truyền thống. Năm 2024 trường được công nhận lại chuẩn Quốc gia mức độ 2 lần 2 tại Quyết định số 828/QĐ-UBND ngày 08/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

- Trường THCS Long Châu có diện tích 11.000m<sup>2</sup> khang trang, rộng rãi với 01 công trình nhà lớp học 2 tầng 17 phòng, 08 phòng bộ môn trong đó 02 phòng tin học, 02 phòng tiếng anh, 01 phòng vật lý, 01 phòng hoá học, 01 phòng sinh học, 01 phòng nhạc, 08 phòng chức năng, 01 nhà đa năng ,có tường rào, cổng trường biển trường, nhà để xe cho CBGV, HS, sân chơi, bãi tập đảm bảo điều kiện tối thiểu phục vụ cho việc giảng dạy và học tập. Nhà trường luôn giữ vững danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đạt mức độ 3 và được công nhận lại trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 lần 2 tại Quyết định số 620/QĐ-UBND ngày 06/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

- Hàng năm Trường mầm non Long Châu đều có kế hoạch thực hiện công tác phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi và có quyết định kiện toàn ban chỉ đạo phổ cập giáo dục trẻ em 5 tuổi.

- Nhà trường trong nhiều năm liên duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, được công nhận tại Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Yên Phong v/v công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023.

5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS. Mức độ 3.

5.3.1. Phổ cập giáo dục TH: Đạt chuẩn phổ cập giáo dục TH mức độ 3 được công nhận tại Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Yên Phong v/v công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023.

a. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên

- Tổng số: 52 = 100% đạt chuẩn về trình độ đào tạo

**Trong đó, Quản lý: 3 ; Giáo viên: 46; nhân viên: 03**

- Tổng số Giáo viên đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp: 46/46 = 100% .

- Số giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo: 52/52 = 100%

- Số người theo dõi công tác PCGD, XMC tại địa bàn được phân công: 3

b. Về cơ sở vật chất

- Tỷ lệ phòng học trên lớp là:  $30/30 = 1,0$ ; Phòng học theo tiêu chuẩn quy định, an toàn, có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng có bàn ghế của giáo viên, có điều hòa, đủ ánh sáng ấm áp về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có thư viện, phòng y tế học đường, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động đội, phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên;

- Đủ thiết bị dạy học tối thiểu quy định, tại thông tư số 07/2016/TT – BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT);

Sân chơi và bãi tập diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; Môi trường xanh, sạch, đẹp, có nguồn nước sạch, có hệ thống thoát nước; đủ công trình vệ sinh, sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên và học sinh.

5.3.2. Phổ cập giáo dục THCS: Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3. được công nhận tại Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Yên Phong v/v công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023.

a. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, công nhân viên

- Tổng số:  $36 = 100\%$  đạt chuẩn về trình độ đào tạo.

**Trong đó:** Quản lý: 2

- Tỷ lệ giáo viên trên lớp:  $34/17$

- Số viên chức làm thư viện, thiết bị, thí nghiệm, văn phòng: 03

- Số GV đạt chuẩn về trình độ đào tạo:  $34/34 = 100\%$

- Số GV đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp GV THCS:  $34/34=100\%$

- Số Giáo viên hợp đồng: 0

- Số Giáo viên đoàn đội: 1

- Số Giáo viên cộng đồng: 0

- Số người theo dõi công tác PCGD, XMC tại địa bàn được phân công: 01

b. Về cơ sở vật chất

- Tỷ lệ phòng học trên lớp là:  $17/17 = 1$ ; Phòng học theo tiêu chuẩn quy định, an toàn, có đủ bàn ghế phù hợp với học sinh; có bảng, có bàn ghế của giáo viên, có điều hòa, đủ ánh sáng ấm áp về mùa đông, thoáng mát về mùa hè; có thư viện, phòng y tế học đường, phòng thiết bị giáo dục, phòng chức năng, phòng đa năng, phòng thí



nghiệm, phòng truyền thống và hoạt động đội, phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên; Phòng tổ chuyên môn.

- Đủ thiết bị dạy học tối thiểu quy định, tại thông tư số 07/2016/TT – BGDDT ngày 22/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

- Sân chơi và bãi tập diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; Môi trường xanh, sạch, đẹp, có nguồn nước sạch, có hệ thống thoát nước; đủ công trình vệ sinh, sử dụng thuận tiện, bảo đảm vệ sinh dành riêng cho giáo viên và học sinh.

5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ. Mức độ 2 được công nhận tại Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Yên Phong v/v công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023.

#### 5.4.1. Phổ cập giáo dục MN

- Số trẻ huy động ra lớp 5 tuổi là: 141/141 đạt tỷ lệ 100%
- Số trẻ 5 tuổi học hai buổi/ ngày là: 141/141 đạt tỷ lệ 100%
- Số trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN: 199/199 = 100%
- Số trẻ Khuyết tật được tiếp cận GD : 1= 50%

#### 5.4.2. Phổ cập giáo dục TH:

- Trẻ 6 tuổi vào lớp 1: 199/199= 100%
- Trẻ 11 tuổi HTCTTH: 193/193 = 100%
- Trẻ đến 14 tuổi HTCTTH: 625/625= 100%
- Trẻ KT có khả năng HT được tiếp cận GD: 6

#### 5.4.3. Phổ cập giáo dục THCS.

- + Tỷ lệ trẻ (11-14) tuổi HTCT TH: 625/625 = 99,54%
- + Tỷ lệ HS TN HTCT vào học lớp 6 (2 hệ): 193/193= 100%
- + Tỷ lệ HS TN THCS (2 hệ) năm học vừa qua: 140/140 = 100 %
- + Tỷ lệ Thanh thiếu niên (15- 18) tuổi TNTHCS (2 hệ): 421/429 = 98,1%
- + Tỷ lệ TTN (15- 18) tuổi đang học GDPT, GDTX cấp THPT hoặc GDNN:  
421/429 = 98,1 %
- + TTN KT được tiếp cận GD: 4 = 100%

#### 5.4.4. Xóa mù chữ:

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 35 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2:  $3543/3543 = 100\%$ .

- Số người trong độ tuổi từ 15 - 60 đạt chuẩn biết chữ mức độ 2:  $6680/6680 = 100\%$ .

5.5. “Cộng đồng học tập” của xã năm 2023 được đánh giá xếp loại Tốt theo QĐ số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2024.

5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

- Tại 02 khu của trường mầm non Long Châu đều có các dụng cụ vui chơi, sân cỏ...đáp ứng hoạt động thể chất của trẻ.

- Trường tiểu học Long Châu có nhà đa năng với diện tích 500 m<sup>2</sup>, sân chơi, có đầy đủ dụng cụ, mô hình tạo điều kiện cho học sinh phát triển thể lực, kỹ năng sức bền: Bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông, ....

- Trường THCS Long Châu có nhà đa năng diện tích 350 m<sup>2</sup>, khu bể bơi 560m<sup>2</sup>, sân chơi bãi tập, dụng cụ, mô hình tạo điều kiện cho học sinh phát triển thể lực, kỹ năng sức bền...

**c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 5 về Giáo dục: Đạt**

**4.6. Tiêu chí số 6 về Văn hóa:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên. Trung tâm Văn hóa – thể thao xã được đầu tư xây dựng hoặc có quy hoạch riêng biệt bên ngoài khu hành chính xã.

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

6.3. 100% thôn đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”

**b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:**

6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường

xuyên. Trung tâm Văn hóa – thể thao xã được đầu tư xây dựng hoặc có quy hoạch riêng biệt bên ngoài khu hành chính xã.

- Tại các điểm công cộng như nhà văn hóa các thôn, khuôn viên xung quanh bờ kè ao... đều được lắp đặt dụng cụ thể thao phục vụ nhân dân, cụ thể đã lắp đặt tại 03/4 thôn (đạt 75%).

- Trung tâm Văn hóa- thể thao xã đã được quy hoạch riêng biệt bên ngoài khu hành chính xã theo Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực phía Đông Nam thị trấn Chờ, huyện Yên Phong (Phân khu số 25), tuy nhiên hiện nay chưa có vốn đầu tư xây dựng do các dự án đấu giá đất chưa thực hiện đấu giá được, xã cam kết sẽ ưu tiên xây dựng khi có nguồn kinh phí.

- Xã có nhà văn hóa với 250 chỗ ngồi, có đủ bàn, ghế, trang bị âm thanh, ánh sáng, thông gió, đài truyền thanh; Có nhà thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã. Các buổi chiều rất đông người dân tham gia đánh bóng chuyền hơi, cầu lông, chạy, đu xà.....Ngoài ra, vào các dịp lễ, các ngày thành lập Đoàn, ngày phụ nữ, nông dân.....các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội đều tổ chức các giải thi đấu bóng chuyền hơi, cầu lông.....tạo không khí sôi nổi, hăng say luyện tập thể dục thể thao của người dân.

- Trên địa bàn xã có 03 thôn được đầu tư sửa chữa nhà văn hóa với quy mô 150 chỗ ngồi đảm bảo về diện tích, chỗ ngồi, trang thiết bị hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của cộng đồng dân cư. Riêng thôn Mẫn Xá chưa có nhà văn hóa đạt chuẩn tuy nhiên đã có quy hoạch và đã được UBND tỉnh giới thiệu địa điểm lập dự án đầu tư xây dựng với quy mô là khoảng 01 ha, hiện tại đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ giải phóng mặt bằng. Hiện tại thôn Mẫn Xá vẫn có điểm sinh hoạt cộng đồng cơ bản đảm bảo các điều kiện sinh hoạt văn hóa cộng đồng như về chỗ ngồi, trang thiết bị..., UBND xã cam kết sẽ ưu tiên xây dựng nhà văn hóa thôn Mẫn Xá đạt chuẩn theo quy định khi có nguồn kinh phí.

6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

- Theo Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt công bố danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tính đến ngày 15/12/2020 trên địa bàn 4 thôn tổng có 13 di tích được kiểm kê, trong đó có 02 công trình được xếp hạng cấp Quốc gia; 03 công trình được xếp hạng cấp tỉnh.

- Trên địa bàn xã có di tích lịch sử cấp Quốc gia là Đình Ngô Xá, đã được nhà nước quan tâm hỗ trợ sửa chữa, trùng tu 01 lần với số tiền mỗi lần là 300.000.000 đồng, ngoài ra còn tiền đóng góp của người dân. Hiện nay cơ sở đã khang trang, uy nghi, đảm bảo hoạt động tín ngưỡng của người dân.

- Toàn bộ các cơ sở đều được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định.

### 6.3. 100% thôn đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”

- Trên địa bàn xã có 4/4 thôn đều đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” theo Quyết định số 5635/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND huyện Yên Phong.

**c) Đánh giá:** Mức độ đạt tiêu chí số 6 về Văn hóa: Đạt

## 4.7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn:

### a) Yêu cầu của tiêu chí:

7.1. Xã có chợ nông thôn đạt chuẩn theo quy định

7.2. Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

### b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:

Xã Long Châu hiện không có chợ nông thôn nên không xem xét đánh giá tiêu chí này. Hiện nay bà con mua bán tại các siêu thị mini, cửa hàng tiện ích có trên địa bàn, trên địa bàn xã có 03 siêu thị mini và 17 cửa hàng tạp hoá tiện ích về cơ bản đảm bảo phục vụ đời sống an sinh nhân dân và công nhân lưu trú trên địa bàn.

**c) Đánh giá:** Mức độ đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn: Đạt

## 4.8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông:

### a) Yêu cầu của tiêu chí:

8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh  $\geq 80\%$ .

8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông.

8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội.

8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).

**b) Kết quả thực hiện của tiêu chí:**

8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

- Xã có 01 điểm phục vụ bưu chính và dịch vụ viễn thông internet, đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh  $\geq 80\%$ .

- Toàn xã có 6.080/6.080 người trong độ tuổi lao động sử dụng điện thoại thông minh, đạt 100%.

8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông.

- Xã có 01 đài truyền thanh của xã và 04 đài truyền thanh của 4 thôn, được đầu tư trang thiết bị hiện đại và hoạt động tốt, được trang bị máy tính, có hệ thống lưu trữ và phần mềm biên tập sản xuất chương trình và card âm thanh mạng 4G.

- 100% số thôn trong xã các hộ gia đình thu, xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet.

- Có điểm bưu điện văn hóa xã là điểm cung cấp xuất bản phẩm.

8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội.

- Xã đang sử dụng 01 phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành; 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng; hệ thống một cửa điện tử tích hợp dịch vụ công trực tuyến dùng chung toàn tỉnh; trang bị 100% máy vi tính cho cán bộ, công chức; 100% máy vi tính trong cơ quan được kết nối mạng internet băng rộng; trang thông tin điện tử của xã có chức năng phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).

- UBND xã đã trang bị toàn bộ mạng Wifi miễn phí tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã, đảm bảo nhu cầu sử dụng mạng internet cho người dân nộp hồ sơ trực tuyến.

- Ngoài ra tại các điểm trung tâm văn hóa học tập cộng đồng đều được trang bị wifi miễn phí.

**c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông: Đạt**

**4.9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố  $\geq 98\%$ .

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Trên địa bàn xã có 2.553/2.553 hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố, đạt tỷ lệ 100%.

**c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 9 về Nhà ở và dân cư: Đạt**

**4.10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

Đảm bảo thu nhập năm 2024  $\geq 72$  triệu đồng/người/năm.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2022 đạt 70,6 triệu đồng/người/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2023 đạt 73,5 triệu đồng/người/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2024 đạt 78,95 triệu đồng/người/năm.

**c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập: Đạt**

**4.11. Tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí:**

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (đã trừ hộ bảo trợ XH)  $\leq 1\%$ .

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

- Năm 2024 trên địa bàn xã còn 14 hộ nghèo đa chiều đạt tỷ lệ 14/2553 hộ = 0,9%

**c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều: Đạt**

**4.12. Tiêu chí số 12 về Lao động:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí**

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 85\%$ .

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 35\%$ .

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 85\%$ .

- Toàn xã có khoảng 6.080 người trong độ tuổi lao động có hộ khẩu thường trú tại địa phương, trong đó: có 5.247 người là lao động qua đào tạo, đạt 86,3 %.

12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)  $\geq 35\%$ .

- Toàn xã có khoảng 5.247 người trong độ tuổi lao động có hộ khẩu thường trú tại địa phương, trong đó: có 1925 người là lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ, đạt 36,7 %.

**c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 12 về Lao động: Đạt**

**4.13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí**

13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn 3 sao trở lên và còn thời hạn kể từ ngày được công nhận.

13.3. Có mô hình ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa cá khâu hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã (nếu có).

13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã (nếu có) được bán qua kênh thương mại điện tử.

13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã (nếu có) được cấp mã vùng

13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã (nếu có) thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội.

13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.

- Trên địa bàn xã có 04 HTX dịch vụ nông nghiệp thôn Ngô Xá, thôn Mẫn Xá, thôn Đại Chu, thôn Chi Long đều được tổ chức, hoạt động theo đúng quy định của Luật hợp tác xã hiện hành.

13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn 3 sao trở lên và còn thời hạn kể từ ngày được công nhận.

- Sản phẩm nước chấm 3 phi của Công ty TNHH 3 Philands được công nhận sản phẩm OCOP đạt hạng 3 sao huyện Yên Phong năm 2024 tại Quyết định 3792/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của UBND huyện Yên Phong.

13.3. Có mô hình ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa cá khâu hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm.

- 04/4 hợp tác xã đều có mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa đồng bộ các khâu trong trồng trọt và mô hình sản xuất lúa Viet GAP thôn Chi Long.

STT	Tên tiêu chí đánh giá	Điểm đánh giá	Điểm tối đa
1	Làm đất	100	100
2	Gieo, trồng	70	100
3	Tưới, tiêu	80	100
4	Chăm sóc	85	100
5	Thu hoạch	100	100
6	Vận chuyển	80	100
7	Xử lý phụ phẩm	70	100

Các mục 13.4; 13.5; 13.6; 13.7: trên địa bàn xã không có nên không xem xét đánh giá.



13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường).

- Trên địa bàn xã có rất nhiều mô hình phát triển kinh tế nông thôn trong đó có mô hình sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH 3 Philands chuyên sản xuất các loại nước chấm có nguồn gốc từ hoa quả, rau sạch. Các sản phẩm của công ty đều được áp dụng khoa học - công nghệ mới vào sản xuất nâng cao năng suất, giá trị sản phẩm nông nghiệp, không gây ô nhiễm môi trường, tạo công ăn việc làm cho người dân.

**c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn: Đạt**

#### **4.14. Tiêu chí số 14 về Y tế:**

##### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) > 96%

14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử.

14.3. Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa.

14.4. Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử.

##### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) > 96%

-Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) trên địa bàn xã là: 9037/9682 người, đạt tỷ lệ 96,13%.

Kết quả thực hiện các tiêu chí 14.2 ; 14.3 ; 14.4, cụ thể như sau : Xã đã ban hành nhiều văn bản để tổ chức triển khai thực tốt công tác quản lý sức khỏe điện tử, triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa và triển khai thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử như:

- Công văn số 1236/SYT-KHTC ngày 18/05/2023, về việc đảm bảo điều kiện triển khai nền tảng Hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Kế hoạch số 2414/KH – SYT ngày 25/09/2023, về việc triển khai các nền tảng số ngành y tế Bắc Ninh đến năm 2025 định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 126/KH-TTYT ngày 24/10/2023, về việc triển khai lộ trình thực hiện Hồ sơ sức khỏe điện tử nâng cao trên địa bàn huyện Yên phong năm 2023.

- Kế hoạch số 53/KH-TTYT ngày 15/3/2024, về cập nhật dữ liệu Hồ sơ sức khỏe người dân trên phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn huyện Yên Phong năm 2024.

- Trạm y tế Long Châu đã xây dựng Kế hoạch số 45a/KH-TYT ngày 22/02/2023 của TYT xã Long Châu, về việc Khám, lập hồ sơ quản lý sức khỏe cá nhân năm 2023.

- Kế hoạch số 31/KH-TYT ngày 19/3/2024 của TYT xã Long Châu, về việc cập nhật dữ liệu Hồ sơ sức khỏe người dân trên phần mềm Hồ sơ sức khỏe điện tử trên địa bàn xã Long năm 2024.

- Hiện nay Trạm y tế xã Long Châu đã được UBND xã đã đầu tư xây dựng khang trang, có đầy đủ các phòng chức năng, có đầy đủ cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện tiêu chí.

- Trạm được trang bị 06 máy tính để bàn có kết nối mạng internet; đã cài ứng dụng, phần mềm để thực hiện sổ khám chữa bệnh điện tử; cập nhật dữ liệu hồ sơ sức khỏe cá nhân; nhân viên y tế đã được đào sử dụng thành thạo phần mềm.

- Trạm y tế đã xây dựng các kế hoạch hoạt động, phối hợp với các ban ngành đoàn thể tại địa phương trong công tác triển khai thực hiện, đã viết bài tuyên truyền thông báo trên mạng lưới truyền thanh của xã, thôn để tuyên truyền đến từng người dân, để người dân nắm được và phối hợp với trạm y tế trong công tác thực hiện các chỉ tiêu về y tế.

- Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử là: 9.307/9682 đạt 96,13%.

- Xã triển khai thực hiện khám chữa bệnh từ xa là: 9752/9761 đạt 99,9%

- Xã triển khai thực hiện tốt sổ khám chữa bệnh điện tử là: 5.203/9682 đạt 53,7%.

**c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 14 về Y tế: Đạt**

**4.15. Tiêu chí số 15 về Hành chính công:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí**

15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

15.2. Có dịch vụ công trực tuyến một phần.

15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

### 15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính.

- UBND xã tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính và mức độ hài lòng của tổ chức cá nhân.

- Bộ phận một cửa, bộ phận chuyên môn của UBND xã được trang bị đầy đủ máy móc, trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu tiếp nhận và giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân. UBND xã thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC qua cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện phát hành biên lai điện tử, thanh toán trực tuyến theo quy định. UBND xã tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính, nộp hồ sơ trực tuyến.

- Cán bộ, công chức trực tiếp tiếp nhận giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính xã Long Châu được đào tạo, bồi dưỡng, có trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho tổ chức, cá nhân.

### 15.2. Có dịch vụ công trực tuyến một phần.

- UBND xã có dịch vụ công trực tuyến một phần đáp ứng nhu cầu giải quyết TTHC của công dân, cụ thể: 89 dịch vụ công trực tuyến (21 DVCTT toàn trình, 67 DVCTT một phần, 01 dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến).

15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.

- UBND xã thực hiện giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không xảy ra khiếu nại vượt cấp.

- UBND xã thực hiện niêm yết công khai 100 % thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức theo đúng quy định tại Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính

phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC và thông tư 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của văn phòng chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát TTHC.

- 100 % thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định. Hầu hết các TTHC được trả kết quả trong ngày cho công dân, đúng thời hạn giải quyết theo quy định. Trong ba năm liên tục từ 2021-2023, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu 98 % trở lên đối với hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của xã và 95 % trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã. Không có kết quả giải quyết TTHC phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước, hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính. Trong 03 năm liên liên tục 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hạn hoặc sớm hạn. Cụ thể :

+ Năm 2021: 2.489/2.489 hồ sơ đạt tỷ lệ 100%

+ Năm 2022: 4.778/4.778 hồ sơ đạt tỷ lệ 100%

+ Năm 2023: 2.831/2.831 hồ sơ đạt tỷ lệ 100%

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC ngày càng được nâng cao, đạt mục tiêu giao tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của chính phủ.

**c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 15 về Hành chính công: Đạt**

#### **4.16. Tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật:**

##### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở.

16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành  $\geq 90\%$ .

16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu  $\geq 90\%$ .

**b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

UBND xã thực hiện chấm điểm tiêu chí số 16 theo hướng dẫn, cụ thể như sau:

<b>STT</b>	<b>Tiêu chí, chỉ tiêu</b>	<b>Điểm yêu cầu</b>	<b>Điểm đánh giá CTCPL 2024</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1</b>	Ban hành Kế hoạch PBGDPL năm <b>trong 05 (năm) ngày</b> kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật: <b>2/2 điểm</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	Nội dung a, phần 1, chỉ tiêu 3, Tiêu chí 2. (Đạt)
<b>2</b>	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch PBGDPL đạt 100%	<b>4</b>	<b>4</b>	Nội dung a, phần 2, chỉ tiêu 3, Tiêu chí 2. (Đạt)
<b>3</b>	Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch của cấp trên đạt 100%	<b>2</b>	<b>2</b>	Nội dung a, phần 3, chỉ tiêu 3, Tiêu chí 2. (Đạt)
<b>4</b>	Có từ <b>02</b> (hai) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả trở lên	<b>5</b>	<b>5</b>	Nội dung a, chỉ tiêu 4, Tiêu chí 2. -Mô hình CCB vì dân đã được nhân rộng 4/4 thôn. (Đạt)
<b>5</b>	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật cho 100% TTVPL	<b>3</b>	<b>3</b>	Nội dung a, chỉ tiêu 5, Tiêu chí 2. (Đạt)
<b>6</b>	Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	<b>3</b>	<b>3</b>	Nội dung a, chỉ tiêu 6, Tiêu chí 2. (Đạt)
<b>7</b>	Huy động được nguồn lực hỗ trợ công tác phổ biến, giáo dục pháp	<b>Có</b>	<b>Có</b>	(Đạt)

	luật			
<b>8</b>	Trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá có tập thể hoặc cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng <b>Giấy khen hoặc Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác</b> vì có thành tích xuất sắc về triển khai các giải pháp, sáng kiến trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.	<b>Có</b>	<b>Có</b>	
<b>9</b>	Có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền cấp trên theo thời hạn quy định	<b>1</b>	<b>1</b>	Nội dung 1, chỉ tiêu 2, Tiêu chí 3. (Đạt)
<b>10</b>	Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền đạt 100%	<b>1.5</b>	<b>1.5</b>	Nội dung a, phần 2, chỉ tiêu 2, Tiêu chí 3. (Đạt)
<b>11</b>	Hỗ trợ thù lao hòa giải viên theo vụ, việc đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền đạt 100%	<b>1.5</b>	<b>1.5</b>	Nội dung a, phần 3, chỉ tiêu 2, Tiêu chí 3. (Đạt)
<b>12</b>	Huy động đội ngũ luật sư, luật gia, Hội thẩm nhân dân, lực lượng Công an nhân dân, báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, người đã từng là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, người đã hoặc đang công tác trong lĩnh vực pháp luật tham gia làm hòa giải viên ở cơ sở hoặc hỗ trợ cho công tác hòa giải ở cơ sở	<b>Có</b>	<b>Có</b>	(Đạt)
<b>13</b>	Trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đánh giá có tập thể hoặc cá nhân được cơ quan có	<b>Có</b>	<b>Có</b>	

	thẩm quyền cấp huyện trở lên tặng Giấy khen hoặc Bằng khen hoặc hình thức khen thưởng khác vì có thành tích xuất sắc về triển khai các giải pháp, sáng kiến trong công tác hòa giải ở cơ sở.			
14	Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành (sau đây gọi là vụ việc, hòa giải thành)	$\geq 90\%$	<b>01/01 vụ đạt 100%</b>	Nội dung a, b, phần 2, chỉ tiêu 1, Tiêu chí 3 (từ <b>1.5 đến 3.5 điểm</b> ) (Đạt)
15	Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu.	$\geq 90\%$	<b>100%</b>	Nội dung a, b, chỉ tiêu 3, Tiêu chí 3 (từ <b>3 đến 4 điểm</b> ) (Đạt)

**c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 16 về Tiếp cận pháp luật: Đạt**

**4.17. Tiêu chí số 17 về Môi trường:**

**a) Yêu cầu của tiêu chí**

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường. 100%

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định  $\geq 98\%$ .

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả  $\geq 50\%$ .

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn  $\geq 50\%$ .

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường 100%

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường  $\geq 80\%$ .

17.8 Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường  $\geq 95\%$ .

17.9 Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng  $\geq 20\%$ .

17.11 Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn  $\geq 4m^2/\text{người}$ .

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định  $\geq 90\%$ .

### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Trên địa bàn xã không có Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản nên không đánh giá chỉ tiêu này.

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường 100%

01/01 cơ sở đồ gỗ thôn Chi Long đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường như: quản lý bụi, khí thải theo quy định, nước thải được thu gom và xử lý theo quy định, chất thải rắn được thu gom, phân loại, lưu giữ để cơ quan vận chuyển xử lý theo quy định.

17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định  $\geq 98\%$ .

- Có phương án thu gom, vận chuyển rác thải, quy chế bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại. Thường xuyên đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhân dân phân loại, xử lý rác thải tại hộ gia đình; các loại rác thải như lá cây, thức ăn thừa được xử lý đốt, chôn lấp hoặc làm thức ăn cho chăn nuôi và làm phân hữu cơ theo mô hình mỗi hố rác một cây xanh, rác thải tái chế được gom bán phế liệu, rác còn lại được lưu giữ và định kỳ tổ chức thu gom trên địa bàn toàn xã. Hiện nay, trên địa bàn xã mỗi hộ gia đình đều có thùng, túi đựng rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Rác thải sinh hoạt được các hộ bỏ vào bì buộc chặt tập trung tại sân, cửa nhà. Hàng ngày, 4/4 thôn đều có đội thu gom rác thải vận chuyển ra bãi tập kết của các thôn,



sau đó Liên danh Công ty TNHH Môi trường Đô Thị Hưng Phát – Công ty CP Dịch vụ và Môi trường xanh Yên Phong sẽ cho xe về vận chuyển xuống nhà máy Điện rác Lương Tài để xử lý. Kết quả cụ thể có 2.553/2.553 hộ = 100% đăng ký thực hiện xử lý CTR sinh hoạt trên địa bàn, khối lượng trung bình toàn xã khoảng 16 tấn/ngày.

17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả  $\geq 50\%$ .

- Trong các khu dân cư, nước thải sinh hoạt của các hộ gia đình được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, hố lắng lọc trước khi xả vào hệ thống tiêu thoát nước chung. Hệ thống xử lý thoát nước mưa, nước thải trong các khu dân cư đảm bảo nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực, đảm bảo vệ sinh, không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải gây ô nhiễm môi trường; đồng thời thường xuyên được khơi thông, nạo vét. Các trục đường đều có mương tiêu thoát nước đảm bảo không chảy tràn ra đường gây ô nhiễm môi trường. Kết quả số hộ thực hiện có 2.553/2.553 hộ = 100%.

17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn  $\geq 50\%$ .

- Song song với đề án thu gom rác thải, UBND xã đã tuyên truyền nhân dân tiến hành phân loại rác thải tại nguồn trước khi thu gom.

- Về cơ bản các hộ thực hiện phân loại rác sinh hoạt hàng ngày, rác thải được phân loại thành rác nguy hại, rác hữu cơ và rác tái chế. Qua kiểm tra, đánh giá quá trình phân loại rác của các hộ gia đình trên địa bàn hiện nay đạt được như sau: Số hộ thực hiện phân loại rác thải tại nguồn có 2553 hộ/2553 hộ, đạt tỷ lệ 100 %.

17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường 100%

- Chất thải rắn nguy hại trên địa bàn xã được thống kê phát sinh gồm có: pin, xỉ tro, các loại phế liệu dễ cháy nổ, máy móc phóng xạ, mạch điện tử, không bao gồm bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và rác thải y tế,...từ những ngày đầu thực hiện đến khi kết thúc đề án “Phát động phong trào làm sạch đồng ruộng, vệ sinh đường làng, ngõ, xóm huyện Yên Phong, giai đoạn 2019-2021” đến nay người dân trên địa bàn toàn xã vẫn giữ được thói quen thực hiện phân loại rác tại nguồn. UBND xã đã cho lắp đặt thùng chứa rác 2 ngăn tại các hộ gia đình, nơi công cộng, trục đường chính... tuyên truyền nhân dân thực hiện phân loại. Sau đó phòng tài nguyên môi trường huyện sẽ hợp

đồng với công ty môi trường về xử lý theo đúng quy định, khối lượng khoảng 0,5 /0,5 tấn đạt (100%).

- Đối với rác thải y tế: Trạm y tế xã đã ký hợp đồng với Trung tâm y tế huyện Yên Phong để xử lý theo quy định.

- Đối với vỏ bao thuốc bảo vệ thực vật cũng được người dân thu gom bỏ vào các bể chứa đặt tại các điểm công cộng trên địa bàn sau đó công ty môi trường sẽ thực hiện thu gom xử lý theo quy định.

17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường  $\geq 80\%$

Thực hiện Đề án “Phát động phong trào làm sạch đồng ruộng, vệ sinh đường làng ngõ xóm giai đoạn 2019 - 2021” với mục tiêu cải thiện môi trường đồng ruộng, bảo đảm môi trường sản xuất an toàn, bền vững, đồng ruộng không còn rác, hệ thống kênh mương thông thoáng, không có bèo, rác; xây dựng và lắp đặt các bể chứa vỏ bao, chai thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, thu gom rác thải đồng ruộng định kỳ để xử lý. Đề án được triển khai trong bối cảnh vấn đề môi trường được nhân dân quan tâm do vậy nhận được sự ủng hộ của người dân cùng cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể cấp huyện, cấp xã phối hợp với các ngành chức năng của huyện đề có kế hoạch riêng tổ chức triển khai đến các khu dân cư để tổ chức thực hiện đề án như:

- Hội nông dân xây dựng kế hoạch và tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai kế hoạch thực hiện phong trào “Thu gom rác thải, làm sạch đồng ruộng” bảo đảm môi trường sản xuất nông nghiệp an toàn. Phối hợp với các cơ quan chuyên môn và các công ty tổ chức tập huấn lồng ghép với các chương trình hoạt động, tập huấn cho hội viên nông dân về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật an toàn hiệu quả, chuyển giao khoa học kỹ thuật. Tổ chức ký cam kết đến hội viên, nông dân sản xuất theo đúng quy trình kỹ thuật, phát triển sản xuất gắn liền với bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả phân bón, an toàn thuốc bảo vệ thực vật và thu gom túi bóng, bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật và các hóa chất khác sau khi sử dụng, xử lý chất thải hữu cơ trong nông nghiệp, chất thải trong chăn nuôi, bảo vệ môi trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm...

- Hội Liên Hiệp phụ nữ huyện phối hợp với Hội Liên Hiệp phụ nữ tỉnh hằng năm xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn hướng dẫn phân loại, xử lý rác thải hữu cơ bằng

phương pháp sử dụng vi sinh bản địa IMO tới các hội viên phụ nữ và các hộ gia đình trên địa bàn các xã, thị trấn, góp phần giảm thiểu rác thải gây ô nhiễm môi trường, xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp. Thực hành cách làm vi sinh IMO ứng dụng vào xử lý rác thải hữu cơ đã phân loại, làm phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp bền vững, góp phần bảo vệ môi trường.

- Ngoài ra còn các hoạt động của các ban, ngành, đoàn thể khác trên huyện như: Phòng GD&ĐT, Trung tâm DVNN, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh... công tác tuyên truyền của Trung tâm VH-TT&TT.

- Qua rà soát kết quả cụ thể như sau:

+ Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom và tái sử dụng trên địa bàn là đạt tỷ lệ 1.746/1746 tấn đạt tỷ lệ 100%

+ Tỷ lệ hộ gia đình, trang trại áp dụng các biện pháp tái sử dụng và tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp là 2.553/2.553 hộ = 100%

17.8 Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường  $\geq 95\%$ .

- Định kỳ hàng năm, khi thời tiết giao mùa, UBND xã xây dựng kế hoạch tiêm phòng cho các loại gia súc, gia cầm. Ngoài tiêm phòng định kỳ, UBND xã tiến hành tiêm phòng bổ sung cho đàn gia súc, gia cầm 1 tháng/ lần cho các đối tượng chưa đủ điều kiện tiêm tại các đợt tiêm phòng định kỳ. Tỷ lệ đạt 100% tổng đàn (đối tượng tiêm được).

- Các hộ chăn nuôi có chuồng trại xây dựng đảm bảo vệ sinh môi trường, nước thải chăn nuôi được xử lý qua hố lắng lọc trước khi thải ra môi trường, phân được ủ để bón ruộng, trường hợp các hộ gia đình chăn nuôi nhiều thì có hệ thống xử lý chất thải bằng Bioga. Chất thải chăn nuôi chưa được xử lý không xả trực tiếp ra môi trường.

- Qua rà soát đánh giá tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường trên địa bàn là 14/14 hộ đạt tỷ lệ 100% .

17.9 Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch.

- Về quy hoạch, xây dựng nghĩa trang và hoạt động mai táng, hỏa táng trên địa bàn xã đã đáp ứng, duy trì đầy đủ theo quy định, phù hợp với quy hoạch.

17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng  $\geq 20\%$ .

- Bằng nhiều hình thức tuyên truyền, vận động nhân dân, nhiều năm qua tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn xã đều duy trì ở mức cao.

+ Năm 2022 là: 17 đám/40 đám, đạt tỷ lệ 42,5%

+ Năm 2023 là: 23 đám/41 đám, đạt tỷ lệ 56,1%

+ 10 tháng đầu năm 2024 là: 18 đám/31 đám, đạt tỷ lệ 58,06%

17.11 Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn  $\geq 4\text{m}^2/\text{người}$ .

- Tại các địa điểm công cộng, nhà văn hóa, dọc các tuyến đường, hàng năm xã bố trí kinh phí trồng mới và chăm sóc các đường cây, đường hoa, giao các tuyến đường này cho các đoàn thể chính trị - xã hội tự quản. tỷ lệ đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt  $39.000\text{m}^2/8.863 \text{ người} = 4,4 \text{ m}^2$

17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định  $\geq 90\%$ .

- Các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt công tác dân vận trong hội viên và nhân dân tiếp tục giữ vững và phát huy những thành quả đã đạt được, tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, thu gom, phân loại, tái chế, xử lý chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn theo đúng quy định, vận động mỗi hộ gia đình phân loại xử lý rác bằng các hình thức khác nhau. Năm 2020, UBND xã đã bố trí lắp đặt 92 thùng chứa rác hai ngăn tại các địa điểm công cộng, các trục đường chính, tuyên truyền nhân dân nâng cao ý thức phân loại rác thải tại nguồn, không vứt rác thải bừa bãi. Những chất thải nhựa có khả năng tái sử dụng sẽ được bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tái sử dụng, đối với các chất thải nhựa không tái chế được đều được công ty môi trường vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định là 4,8/4,8 tấn đạt tỷ lệ 100%.

**c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 17 về Môi trường: Đạt**

**4.18. Tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống**

**a) Yêu cầu của tiêu chí**

18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung  $\geq 65\%$ .

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm  $\geq 80$  lít.

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững  $\geq 45\%$ .

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm 100%

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm và tử vong do ngộ độc thực phẩm.

18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm hoặc ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch. 100%

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường. 100%

#### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

18.1 Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 2153/2.592hộ (83 %).

18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm  $\geq 80$  lít.

Cấp nước sinh hoạt đạt bình quân đầu 85 lít /người/ngày đêm

18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững  $\geq 45\%$ .

- Trên địa bàn xã hộ dân sử dụng nước sạch từ thông cấp nước sạch Công trình cấp nước tập trung cụm Trung Nghĩa- Long Châu. Hiện nay công ty đang vận hành, khai thác có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững; 100% hệ thống các công trình xử lý nước và hệ thống đường ống cung cấp nước đến người tiêu dùng được công ty quan đầu tư nâng cấp, tu bổ, bảo dưỡng đảm bảo hoạt động tốt trong quá trình khai thác và cung cấp nước tới người tiêu dùng; ngoài ra còn thường xuyên hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức tập huấn, đào tạo, nâng cao năng lực quản lý vận hành cho đội ngũ nhân viên.

TT	Nội dung đánh giá	Thang điểm tối đa	Cách tính điểm	Điểm đánh giá
1	Tiền nước thu được đủ bù đắp chi phí quản lý vận hành, sửa chữa nhỏ	20	- Thu còn dư để tích lũy: 20 điểm; - Thu đủ chi trả cho chi phí quản lý vận	20

TT	Nội dung đánh giá	Thang điểm tối đa	Cách tính điểm	Điểm đánh giá
			hành, sửa chữa nhỏ: 15 điểm; - Thu không đủ chi trả cho chi phí quản lý vận hành, sửa chữa nhỏ: 10 điểm; - Không thu được tiền nước: 0 điểm.	
2	Chất lượng nước sạch sau xử lý đạt quy chuẩn	20	- Đạt: 20 điểm - Không đạt: 0 điểm	20
3	Khả năng cấp nước thường xuyên trong năm	20	- Luôn luôn ổn định: 20 điểm; - Số ngày không được cấp nước dưới 30 ngày/năm: 10 điểm; - Số ngày không được cấp nước trên 30 ngày/năm: 0 điểm.	20
4	Tỷ lệ công suất khai thác thực tế sau 02 năm đưa vào sử dụng so với công suất thiết kế	20	- Lớn hơn 60%: 20 điểm; - Từ 50-60%: 10 điểm; - Dưới 50%: 0 điểm.	20
5	Cán bộ quản lý, vận hành có chuyên môn, năng lực quản lý vận hành phù hợp quy mô, yêu cầu kỹ thuật của công trình	20	- Đạt: 20 điểm - Không đạt: 0 điểm	20
	<b>Tổng số</b>	<b>100</b>		<b>100</b>

Các văn bản triển khai thực hiện các tiêu chí số 18.4; 18.5; 18.6, cụ thể như sau:

Hàng năm, UBND xã đã ban hành một số văn bản, kế hoạch triển khai đảm bảo công tác an toàn thực phẩm, cụ thể:

- Kế hoạch số 12/KH-BCĐ ngày 18 /01/2024 của Ban chỉ đạo ATTP xã Long Châu. Kế hoạch đảm bảo An toàn thực phẩm xã Long Châu năm 2024.

- Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Ban chỉ đạo ATTP xã Long Châu. Quyết định kiện toàn ban chỉ đạo An toàn thực phẩm xã Long Châu năm 2024.

- Kế hoạch số 01/KH-BCĐ ngày 02/01/2024 của Ban chỉ đạo ATTP xã Long Châu. Kế hoạch triển khai công tác đảm bảo an toàn thực phẩm Tết Nguyên Đán Giáp Thìn và mùa Lễ hội Xuân 2024.

- Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 của Ban chỉ đạo ATTP xã Long Châu. Quyết định về việc thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên Đán Giáp Thìn và mùa Lễ hội Xuân 2024.

- Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 20/01/2024 của UBND xã Long Châu. Quyết định về việc thành lập tổ xử lý, điều tra NĐTP và phân công nhiệm vụ xã Long Châu năm 2023.

- Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 15/01/2024 của Ban chỉ đạo ATTP xã Long Châu. Kế hoạch về kiểm tra đột xuất về đảm bảo ATVSTP năm 2024

- Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 20/01/2024 của Ban chỉ đạo ATTP xã Long Châu. Kế hoạch về phòng chống ngộ độc thực phẩm trên địa bàn xã Long Châu.

- Kế hoạch số 27/KH-BCĐ ngày 08/04/2024 của Ban chỉ đạo ATTP xã Long Châu. Kế hoạch triển khai “Tháng hành động vì An toàn thực phẩm” năm 2024.

- Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND xã Long Châu. Quyết định về việc ban hành quy chế hoạt động của BCĐ an toàn thực phẩm xã Long Châu.

- Kế hoạch số 04/KH-BCĐ ngày 30/8/2024 của Ban chỉ đạo ATTP xã Long Châu. Kế hoạch triển khai các biện pháp đảm bảo ATTP trong dịp Tết Trung thu trên địa bàn xã Long Châu năm 2024.

- Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 20/04/2024 của UBND xã Long Châu. Quyết định về việc thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về An toàn thực phẩm trong tháng ATTP năm 2024

- Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 30 /8/2024 của UBND xã Long Châu. Quyết định về việc thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về an toàn thực phẩm trong dịp Tết trung thu năm 2024.

- UBND xã Long Châu đã tổ chức tập huấn kiến thức về An toàn thực phẩm cho chủ hộ, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn xã năm 2024 vào ngày 19/3/2024. Kết quả cụ thể như sau:

18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm.

- Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm năm 2024 đạt 53/53 cơ sở (100%); không có sự cố về an toàn thực phẩm và tử vong do ngộ độc thực phẩm.

18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm và tử vong do ngộ độc thực phẩm.

Trên địa bàn không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm và tử vong do ngộ độc thực phẩm.

18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm hoặc ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định.

- Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm hoặc ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định: 06/06 đạt 100%.

18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch. 100%

- Trên địa bàn xã có 2553/2553 hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch, đạt 100%

18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường. 100%

- Trên địa bàn xã không có bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt.

**c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 18 về Chất lượng môi trường sống: Đạt**

#### **4.19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh:**

##### **a) Yêu cầu của tiêu chí**

19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên (trừ trường hợp bất khả kháng).

19.3. Có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) và cứu nạn, cứu hộ và có mô hình có sử dụng camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

##### **b) Kết quả thực hiện tiêu chí**

19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân.

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp

+ Tổ chức Ban chỉ huy quân sự và cán bộ dân quân tự vệ.



Ban chỉ huy quân sự 4 đồng chí: Chỉ huy trưởng là Đảng ủy viên, thành viên UBND, công chức cấp xã; Chính trình trị là Bí thư Đảng ủy xã kiêm nhiệm; Chính trị viên là phó Bí thư Đoàn TNCSHCM kiêm nhiệm, Chỉ huy phó là đảng viên, cán bộ bán chuyên trách. Đồng chí chỉ huy trưởng được đào tạo trình độ Đại học ngành quân sự cơ sở, 4 đồng chí có bằng đại học, 1 đồng chí đang theo học Đại học văn bằng 2 chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở.

Xây dựng, biên chế đầy đủ cán bộ quản lý, Chỉ huy Dân quân tự vệ (DQTV) thôn; Trung đội trưởng, Tiểu đội trưởng, khẩu đội trưởng và Thôn trưởng kiêm nhiệm chức danh Tổ trưởng dân quân tại chỗ. 4/4 thôn đội trưởng là đảng viên, 1/4 đồng chí thôn đội trưởng là cấp ủy.

+ Về số lượng:

Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, triển khai nghiêm túc hướng dẫn của ban CHQS huyện về việc tổ chức đăng ký công dân trong độ tuổi DQTV. Tham mưu cho UBND xã thành lập Ban chỉ đạo công tác đăng ký công dân trong độ tuổi DQTV theo đúng quy định, đúng độ tuổi bảo đảm chất lượng hiệu quả cao.

Công tác tuyển chọn bảo đảm công khai, dân chủ, đúng quy định của pháp luật;

Hàng năm, Ban chỉ huy quân sự huyện chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, tổ chức tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân, Tự vệ đúng quy định.

Quân nhân dự bị chưa sắp xếp vào đơn vị dự bị động viên được tuyển chọn vào đơn vị Dân quân tự vệ.

- Lực lượng cơ động = 28 đ/c. Biên chế 1 trung đội; 3 tiểu đội.

- Lực lượng tại chỗ = 23 đ/c. Biên chế 4 tiểu đội;

Lực lượng Binh chủng: 18 đ/c (Pháo binh=3đc. Công binh 01 tổ 3 đ/c . 1 tổ Trinh sát = 3 đ/c , 1 tổ Thông tin =3 đ/c ,1 tổ. Hóa học = 3 đ/c 1 tổ. Y tế = 3 đ/c.

+ Về chất lượng:

- Tỷ lệ lực lượng dân quân năm thứ 1 được biên chế 17 đồng chí đạt 17%; 100% cán bộ, chiến sỹ có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang luôn sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, khi có tình huống xảy ra huy động trong 1 giờ đạt 95% quân số theo biên chế trở lên; Lực

lượng dân quân được huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị hàng năm theo đúng nội dung chương trình, thời gian quy định. Kết quả các khoa mục kiểm tra đạt 100% đạt theo yêu cầu, trong đó 75 đến 80 % khá giỏi trở lên.

+ Đảm bảo chính sách và cơ sở vật chất:

- Ủy ban nhân dân xã phân bổ ngân sách đúng theo luật quy định, luôn chi trả kịp thời, khi thực hiện các nhiệm vụ theo luật DQTV (huấn luyện, diễn tập, trực sẵn sàng chiến đấu).

- Ban CHQS xã được bố trí phòng làm việc riêng, nhà kho, tủ súng và được cấp công vụ hỗ trợ cho hoạt động giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng thủ dân sự, phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai.

- Thực hiện tốt công tác xây dựng chính quy, phòng làm việc có gắn biển tên phòng, trong phòng sắp xếp gọn gàng, các biển tên chức danh CHT, CTV, PCHT, CTCP để trên bàn làm việc; có bảng lịch công tác theo đúng quy định của ngành tham mưu. Tủ súng để ở phòng làm việc của Chỉ huy trưởng, có 02 khóa cầu ngang và khóa dây suốt cò súng đảm bảo an toàn, sắp đặt gọn gàng, có đăng ký số súng ở bộ dụng cụ hỗ trợ phòng chống cháy nổ, khắc phục hậu quả thiên tai.

- Thực hiện tốt chế độ chính sách cho người có công với cách mạng, cụ thể: Quyết định 49/CP = 20/20 đối tượng. Nghị Định 131=02 đối tượng.

19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên (trừ trường hợp bất khả kháng).

a. Hàng năm, định kỳ và trong các dịp đột xuất Đảng ủy có các Nghị quyết; UBND xã có các Kế hoạch về Công tác đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn xã. Kèm theo đó là các Phương án; Kế hoạch tổ chức thực hiện nhằm đảm bảo chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác an ninh, trật tự và xây dựng phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Đã tham mưu Đảng ủy – UBND xây dựng triển khai các kế hoạch liên quan thực hiện nhiệm vụ đảm bảo ANTT như: Kế hoạch huy động các lực lượng phối hợp tham gia tuần tra vũ trang đảm bảo ANTT; Kế hoạch kiểm tra cư trú; Kế hoạch tăng cường tuần tra đảm bảo ANTT trước, trong và sau Tết Nguyên đán; Kế hoạch cao điểm thu hồi

VK, VLN, CCHT và pháo các loại; Kế hoạch cao điểm đấu tranh phòng, chống tội phạm trước, trong và sau Tết Nguyên đán; Phương án, kế hoạch tăng cường công tác PCCC tại cơ sở theo phân cấp; Kiện toàn các Ban chỉ đạo 138, Ban chỉ đạo tăng cường thu hồi vũ khí, vật liệu nổ và pháo, Ban An toàn giao thông xã...

Tham mưu cho Đảng ủy, UBND xã chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của ĐU, UBND huyện, lãnh đạo Công an huyện Yên Phong về nâng cao hiệu quả hoạt động các mô hình quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc như: Mô hình Camera an ninh, các mô hình tổ liên gia PCCC, mô hình điểm chữa cháy công cộng, mô hình “Xã ATGT”, “cổng trường ATGT”, “Nhà xe học sinh ATGT”, mô hình “Khéo trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục có liên quan đến pháp luật về cư trú”.... Thường xuyên tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác và đấu tranh với tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật. Đến nay các mô hình đã hoạt động, bước đầu đã có một số kết quả nhất định và được đa số quần chúng nhân dân đồng tình ủng hộ.

Đơn vị xã và các thôn đều đạt tiêu chuẩn về ANTT. Công an xã tổ chức triển khai cho 100% học sinh của ba trường, các hộ kinh doanh có điều kiện ký cam kết đảm bảo ANTT.

Ngày 01/07/2024, tổ chức thành lập lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự, trật tự ở cơ sở và lễ ra mắt “Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở” gồm 04 tổ với tổng số 20 thành viên.

b. Không để xảy ra một trong các hoạt động theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ Khoản 3 Điều 4 Thông tư 124/2021/TT-BCA ngày 28/12/2021: Quy định khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”:

- Không để xảy ra hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

- Không để xảy ra hoạt động phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng;

- Không để xảy ra hoạt động tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật;

- Không để xảy ra hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về an ninh, trật tự;

- Không để xảy ra hoạt động ly khai, đòi tự trị.

c. Không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật;

Không để tập trung đông người khiếu nại, tố cáo vụ việc đã được cơ quan chức năng giải quyết đúng thẩm quyền trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật; quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật.

Không để xảy ra những hoạt động như: Kích động, xúi giục, cưỡng ép, dụ dỗ, mua chuộc, lôi kéo nhiều người cùng đến cơ quan, trụ sở, doanh nghiệp hoặc cá nhân để đưa đơn, thư khiếu nại, tố cáo, yêu cầu giải quyết một hoặc nhiều vấn đề quyền lợi bị vi phạm hoặc có liên quan đến việc thực thi chính sách pháp luật để gây rối an ninh, trật tự công cộng hoặc lợi dụng việc khiếu nại, tố cáo để tuyên truyền chống Nhà nước; xuyên tạc, vu khống, đe dọa, xúc phạm uy tín, danh dự của cơ quan, tổ chức, người có trách nhiệm được phân công giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Công tác tiếp nhận, xử lý tố giác, tin báo về tội phạm: 100% tin báo, tố giác tội phạm được tiếp nhận, xác minh sơ bộ, xử lý, giải quyết đúng quy định.

Năm 2023 Ban công an xã tiếp nhận xử lý 22 vụ việc, trong đó: Vụ việc liên quan trộm cắp 12 vụ, đánh nhau là 02 vụ; Sử dụng ma túy là 03 vụ; tai nạn giao thông 05 vụ.

Năm 2024 Ban công an xã tiếp nhận xử lý 07 vụ việc, trong đó: Vụ, việc Trộm cắp tài sản là 03 vụ; Tàng trữ chất ma túy là 03 vụ; Cố ý gây thương tích 01 vụ.

d. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tệ nạn xã hội trên địa bàn được kiểm chế, giảm so với năm trước;

- Tai nạn giao thông trên địa bàn được kiểm chế, giảm so với năm trước;

- Cháy, nổ... cũng được kiểm chế (trừ trường hợp bất khả kháng).

e. Có các mô hình về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả như:

- Mô hình mang tính tổ chức tự quản về ANTT được điều chỉnh bằng các văn bản quy phạm pháp luật: 03 mô hình, gồm:

- 01 mô hình “Công trường an toàn giao thông”.
- 01 Mô hình tổ liên gia PCCC.
- 01 Mô hình camera an ninh

đ. Xã Long Châu không thuộc địa bàn phức tạp về tội xâm phạm trật tự xã hội theo công văn số 251/CAT-PC02, ngày 25/01/2024 của Công an tỉnh về xác định địa bàn phức tạp về trật tự xã hội.

g. Tập thể Công an xã được đánh giá, xếp loại “Đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ”.

19.3. Có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) và cứu nạn, cứu hộ và có mô hình có sử dụng camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

- Năm 2023, tổ chức thành lập mô hình “Tổ liên gia an toàn về PCCC” tập hợp các hộ gia đình, nhà để ở, nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh liền kề nhau. Các hộ gia đình gần nhau sẽ liên kết lại trở thành một tổ liên gia an toàn PCCC, chung tay cùng đảm bảo an toàn PCCC&CNCH trong quá trình kinh doanh, sinh hoạt. Mô hình “tổ liên gia an toàn PCCC” bao gồm: 5 hộ gia đình (nhà để ở, nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh) liền kề nhau. Mỗi nhà sẽ bố trí ít nhất 1 bình chữa cháy xách tay và tối thiểu 1 dụng cụ phá dỡ, ở các vị trí phù hợp tại mỗi hộ gia đình. Mô hình “tổ liên gia an toàn PCCC” đi vào hoạt động đã góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong công tác bảo đảm an toàn PCCC&CNCH của các hộ gia đình.

- Trong năm 2024, Công an xã đã tham mưu cho UBND xã xây dựng mô hình camera toàn dân tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc lắp đặt 111 mắt camera tại các trục đường chính, cửa ngõ ra vào địa bàn, các khu vực trọng yếu... phục vụ công tác đảm bảo an ninh trật tự.

**c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh: Đạt**

**5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

Tình hình nợ đọng đầu tư xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới của xã Long Châu đến thời điểm hiện tại là thiếu từ nguồn ngân sách xã với số tiền là 14.601 triệu đồng. *(có báo cáo giải trình của xã kèm theo).*

## **6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

### **6.1. Quan điểm**

- Thành viên Ban chỉ đạo cần bám sát kế hoạch công tác, các nội dung được phân công theo dõi chỉ đạo các thôn, hướng dẫn chỉ đạo thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao. Thường xuyên chỉ đạo, nắm tình hình và kết quả triển khai trên địa bàn các thôn, tổng hợp báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo định kỳ để từng bước nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Mặt trận Tổ quốc, các ngành, đoàn thể có kế hoạch đề tập trung chỉ đạo thực hiện các tiêu chí có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

- Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch, lưu ý việc chuyển đổi diện tích đất lúa sang mục đích sử dụng khác phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của xã đã được tỉnh phê duyệt. Chú trọng quy hoạch sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, xây dựng kết cấu hạ tầng, chỉnh trang khu dân cư, thúc đẩy các mô hình sản xuất.

- Vận dụng linh hoạt các cơ chế chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế, cộng đồng dân cư tham gia đầu tư phát triển sản xuất, dịch vụ và xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng ở nông thôn.

### **6.2. Mục tiêu**

- Phát huy quyết tâm chính trị cao nhất, huy động sức mạnh tổng hợp của Cấp ủy, Chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể chính trị - xã hội từ xã đến thôn vận động nhân dân tích cực hưởng ứng, duy trì các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới nâng cao. Tranh thủ huy động nguồn kinh phí từ ngân sách và nguồn xã hội hóa để đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa các hạng mục, công trình trên địa bàn, hướng tới mục tiêu xã nông thôn mới nâng cao, 4/4 thôn nông thôn mới kiểu mẫu và định hướng lên phường theo chủ trương của Huyện ủy, UBND huyện Yên Phong.

### **6.3. Nội dung, giải pháp**

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn, thực hiện các dự án đất DCDV Ngô Xá và các dự án đất đấu giá.

- Tập trung chỉ đạo đề án tích tụ ruộng đất phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ KHKT áp dụng vào sản xuất, chăn nuôi, phát triển các mô hình chăn nuôi kết hợp, một số mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất Nông nghiệp và chăn nuôi theo chuỗi liên kết bao tiêu sản phẩm bền vững. Có các cơ chế chính sách hỗ trợ cho các hộ trang trại, gia trại trên địa bàn phát triển ổn định bền vững, xây dựng thêm 01 sản phẩm OCOP.

- Nâng cao chất lượng cơ sở vật chất tại các trường học, chú trọng các biện pháp để tăng cường nâng cao chất lượng giáo dục. Đồng thời, thường xuyên quan tâm các hoạt động giảng dạy, có sự đầu tư đúng mức để từng bước nâng cao chất lượng dạy và học.

- Không ngừng nâng cao chất lượng đời sống Văn hóa tinh thần cho người dân bằng các hoạt động phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Sớm thực hiện nhanh công tác giải phóng mặt bằng để xây dựng mới nhà văn hóa của thôn Mẫn Xá. Đưa trang thông tin điện tử của xã vào hoạt động có hiệu quả.

- Tập trung chỉ đạo công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn xã luôn Xanh – Sạch – Đẹp, chỉnh trang đường làng, ngõ xóm, tạo cảnh quan khu dân cư kiểu mẫu.

Trong thời gian tới việc xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu vẫn phải tiếp tục quan tâm và chỉ đạo, của cả hệ thống chính trị từ xã đến cơ sở và từng lớp nhân dân, phấn đấu hoàn thành các tiêu chí chung của Chính phủ, với 2 nhiệm vụ trọng tâm, 3 khâu đột phá trong xây dựng NTM nâng cao NTM kiểu mẫu, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, xây dựng quê hương Long Châu ngày càng giàu đẹp và văn minh./.

## **II. KẾT LUẬN**

**1. Về hồ sơ:** hồ sơ đúng, đủ theo quy định

**2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

- Tổng số tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao của xã Long Châu đã được UBND huyện Yên Phong thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tính đến thời điểm thẩm tra là: 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

**3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao**

Tình hình nợ đọng đầu tư xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới của xã Long Châu đến thời điểm hiện tại là thiếu từ nguồn ngân sách xã với số tiền là 14.700 triệu đồng. *(có báo cáo giải trình của xã kèm theo).*

### **III. KIẾN NGHỊ**

1. Đề nghị Tỉnh tiếp tục có chính sách hỗ trợ xây dựng hạ tầng nông thôn, chú trọng đầu tư cho các công trình giao thông, thủy lợi nội đồng để phục vụ sản xuất, các công trình thoát nước nông thôn để bảo vệ sinh môi trường.

2. Đề nghị UBND tỉnh Bắc Ninh xem xét Quyết định công nhận xã Long Châu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2024.

Vậy, UBND huyện Yên Phong báo cáo đề UBND tỉnh, BCĐ chương trình xây dựng NTM tỉnh xem xét, quyết định./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh Bắc Ninh (b/c);
- VPĐP CTMTQGXDNTM tỉnh;
- TT HU, TT HỖND huyện (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Thường trực BCĐ huyện;
- Đảng ủy, UBND xã Long Châu;
- Văn phòng: CVP, PVPTH, CVTH;
- Lưu: VT, HS.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lưu Văn Mùi**



**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ  
XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO ĐẾN NĂM 2024  
đối với xã Long Châu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh**  
(Kèm theo Dự thảo Báo cáo số ...../BC-UBND ngày ...../11/2024 của UBND huyện Yên Phong)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã (Đạt/chưa đạt)	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Quy hoạch theo Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực phía Đông Nam thị trấn Chờ, huyện Yên Phong (Phân khu số 25);	Đạt	
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	552/UBND-NN ngày 16/4/2024 của UBND huyện Yên Phong	Đạt	
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	Quy hoạch theo Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực phía Đông Nam thị trấn Chờ, huyện Yên Phong (Phân khu số 25);	Đạt	
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì định kỳ, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết: biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...	≥95%	5,8/5,8 km (100%) Số km đường xã được bảo trì định kỳ, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết: biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh.../Tổng số km đường xã)	Đạt	
		2.2. Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn	Được cứng hóa và bảo trì theo định kỳ	100%	8,5/8,5 km (100%) Số km đường thôn và liên thôn được cứng hóa và bảo trì theo định kỳ/Tổng số km đường thôn và liên thôn trên địa bàn.	Đạt
			Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥95%	8,5/8,5 km(100%) Số km đường thôn và liên thôn có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp/Tổng số km đường thôn và liên thôn trên địa bàn 14/14 gờ giảm tốc. (100%).	Đạt
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	≥95%	12,3/12,3 km (100%) Số km đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp/Tổng số km đường ngõ, xóm trên địa bàn.	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã (Đạt/chưa đạt)
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	100%	13,7/13,7 km (100%) Số km đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa/Tổng số km đường trục chính nội đồng trên địa bàn.	Đạt
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	≥90%	405,6/425,4 ha (95,3%)	Đạt
		3.2. Tổ chức thủy lợi cơ sở (nếu có) hoạt động hiệu quả	Đạt	- Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Yên Phong.	Đạt
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	≥20%	388,6/399 ha (97,4%)	Đạt
		3.4. Tỷ lệ công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	100%	Các công trình thủy lợi nội đồng hàng năm được nạo vét bùn, bèo tu sửa đảm bảo tưới tiêu 100%	Đạt
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Xã có 4 điểm nguồn nước thải xả (nước thải sinh hoạt từ các hộ dân của 4 thôn ra các kênh mương)	Đạt
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ. Có Biểu đánh giá, chấm điểm.	Đạt
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	100%	- Có 2553/2553 hộ đạt 100% số hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định.	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã (Đạt/chưa đạt)
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	100%	03/03 trường đạt 100% số trường đạt chuẩn mức độ 2. Tổng số trường mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS trên địa bàn, cụ thể: - Trường Mầm non đạt chuẩn mức độ 2 tại QĐ số 478 ngày 18/4/2023 của UBND tỉnh. - Trường Tiểu học đạt chuẩn mức độ 2 tại QĐ số 828 ngày 08/7/2024 của UBND tỉnh. - Trường THCS đạt chuẩn mức độ 2 tại QĐ số 620 ngày 06/7/2022 của UBND tỉnh.	Đạt
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Yên Phong v/v công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023	Đạt
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Yên Phong v/v công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023	Đạt
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 26/4/2024 của UBND huyện Yên Phong v/v công nhận phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2023	Đạt
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	“Cộng đồng học tập” của xã năm 2023 được đánh giá xếp loại Tốt theo QĐ số 27/QĐ-UBND ngày 11/01/2024	Đạt
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	Có 03 mô hình: Mô hình bể bơi, Nhà đa năng, Khu vui chơi	Đạt
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên. Trung tâm văn hóa – Thể thao xã được đầu tư xây dựng hoặc có quy hoạch riêng biệt bên ngoài khu hành chính của xã	Đạt	- Trung tâm văn hóa – Thể thao xã được đầu tư xây dựng hoặc có quy hoạch riêng biệt bên ngoài khu hành chính của xã. Quy hoạch theo Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 02/8/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch phân khu đô thị tỷ lệ 1/2.000 Khu vực phía Đông Nam thị trấn Chờ, huyện Yên Phong (Phân khu số 25); - 4/4 thôn đạt 100% số thôn có nhà văn hoá. - 4/4 điểm đạt 100% Số điểm công cộng được lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời. - Các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên theo quy định. Có CLB quan họ, dưỡng sinh, bóng chuyền hơi, bóng đá, zumba, ..... tại các thôn	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã (Đạt/chưa đạt)
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	13/13 điểm (100%)	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn đạt danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”	100%	4/4 thôn công nhận danh hiệu làng văn hoá theo QĐ số 6535 ngày 18/12/2023 của UBND huyện Yên Phong	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	7.1. Xã có chợ nông thôn đạt chuẩn theo quy định	Đạt	Hiện xã Long Châu không có chợ nông thôn, trên địa bàn có 03 siêu thị mini, 17 cửa hàng tạp hoá tiện lợi phục nhân dân và công nhân cư trú trên địa bàn.	Đạt
		7.2. Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm			<i>Trường hợp xã không được quy hoạch xây dựng chợ thì không xem xét thực hiện tiêu chí và việc xét, công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao trên cơ sở xem xét, đánh giá các tiêu chí còn lại</i>
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Trên địa bàn xã có 01 điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	≥80%	6.080/6.080 thuê bao đạt (100) Số dân số trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/Tổng dân số trong độ tuổi lao động trên địa bàn.	Đạt
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	Trên địa bàn xã có 01/01 điểm dịch vụ báo chí truyền thông đáp ứng các điều kiện theo quy định	Đạt
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội	Đạt	Trên địa bàn xã có 01/01 điểm, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội đáp ứng các điều kiện theo quy định	Đạt
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt	Trên địa bàn xã có 10/10 điểm, mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...) đáp ứng các điều kiện theo quy định.	Đạt
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	≥98%	2553/2553 hộ đạt (100%) Số hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố/Tổng số hộ trên địa bàn.	Đạt
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	≥72	78,95 triệu đồng/người	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã (Đạt/chưa đạt)
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều	$\leq 1\%$	Tỷ lệ nghèo đa chiều năm 2024 là 0,9 %, trong đó: - Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều 0,35% (09./2553 hộ) - Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều 0,55% (14/2553 hộ)	Đạt
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 85\%$	5247 /6080 người đạt 86,3%	Đạt
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 35\%$	1925/5247 người đạt(36,7%)	Đạt
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	$\geq 01$ HTX	04/04 HTX được thành lập và hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định.	Đạt
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn 3 sao trở lên và còn thời hạn kể từ ngày được công nhận	$\geq 01$ Sản phẩm	Sản phẩm nước chấm 3 phi của công ty TNHH 3 Philands đã được đánh giá xếp hạng sản phẩm OCOP 3 sao huyện Yên Phong năm 2024 tại Quyết định 3792/QĐ-UBND ngày 21/10/2024 của UBND huyện Yên Phong.	Đạt
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM), hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, hoặc mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	$\geq 01$ mô hình	- Mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao: Sản xuất lúa Viet GAP đồng trầu thôn Chi Long - Mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu tại các thôn trên địa bàn.	Đạt
		13.4. Ứng dụng công nghệ số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã (nếu có)	Đạt	Xã chưa xác định được sản phẩm chủ lực	Đạt
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã (nếu có) được bán qua kênh thương mại điện tử	$\geq 10\%$	Xã chưa xác định được sản phẩm chủ lực	Đạt
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã (nếu có) được cấp mã vùng	Đạt	Xã chưa xác định được sản phẩm chủ lực	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã (Đạt/chưa đạt)
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã (nếu có) thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Không có	Đạt
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	Đạt	- Sản xuất lúa Việt GAP đồng trầu thôn Chi Long 01 mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường) đáp ứng các điều kiện theo quy định.; - Mô hình sản xuất nước chấm 3 Philands chuyên sản xuất các loại nước chấm có nguồn gốc từ hoa quả, rau sạch.	Đạt
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥96%	9.307/9.682 người (96,13%) Tổng số người có thẻ BHYT còn hiệu lực trong cùng thời kỳ/Dân số trung bình của xã trong kỳ.	Đạt
		14.2. Xã triển khai thực hiện quản lý sức khỏe điện tử	Đạt	9752/9761 người đạt (99,9%).	Đạt
		14.3. Xã triển khai khám chữa bệnh từ xa	Đạt	5689/9682 người đạt (58,8%).	Đạt
		14.4. Xã triển khai thực hiện tốt số khám chữa bệnh điện tử	Đạt	5203/9.682 người (53,7%).	Đạt
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Xã đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính đáp ứng các điều kiện theo quy định.	Đạt
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến một phần	Đạt	89 dịch vụ công trực tuyến (21 DVCTT toàn trình, 67 DVCTT một phần, 01 dịch vụ cung cấp thông tin trực tuyến).	Đạt
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Các thủ tục hành chính trên địa bàn xã được giải quyết đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp.	Đạt
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở	Đạt	Tổ hoà giải thôn Ngô Xá về phổ biến, giáo dục pháp luật và mô hình điển hình về hòa giải ở cơ sở trên địa bàn xã đáp ứng các điều kiện theo quy định.	Đạt
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải thành	≥90%	01/01 vụ đạt (100%) Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải.	Đạt
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	≥90%	0 người đạt 100%	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã (Đạt/chưa đạt)
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Không có khu kinh doanh, dịch vụ chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm)	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	100%	01/ 01 đạt (100%) cơ sở đồng gỗ thôn Chi Long	Đạt
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	≥98%	- Tỷ lệ CTR sinh hoạt trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định 2.553/2.553 hộ = (100%) - Tỷ lệ CTR không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định 0,15/0,15 tấn (100%)	Đạt
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	≥50%	2.553/2.553 hộ đạt (100%).	Đạt
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥50%	2.553/2.553 đạt (100%)	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	0,5 /0,5 tấn đạt (100%)	Đạt
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	≥80%	- Tỷ lệ 1.746/1746 tấn đạt (100%) - Tỷ lệ 03 hộ/03 hộ đạt (100%)	Đạt
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	≥95%	14/14 hộ đạt(100%)	Đạt
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	04/04 nghĩa trang	Đạt
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	≥20%	23/41 ca đạt (56%)	Đạt

<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Yêu cầu đạt chuẩn</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>	<b>Kết quả tự đánh giá của xã (Đạt/chưa đạt)</b>
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 4\text{m}^2/\text{người}$	19 điểm $39.000\text{m}^2/8.863\text{người} = 4,4 \text{ m}^2$	Đạt
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 90\%$	4,8 tấn/4,8 tấn đạt (100%)	Đạt
<b>18</b>	<b>Chất lượng môi trường sống</b>	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống/công trình cấp nước tập trung	$\geq 65\%$	2153/2589 hộ đạt (83%)	Đạt
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	$\geq 80$ lít	85 lít / người.	Đạt
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 45\%$	Công trình cấp nước tập trung cụm Long Châu- Trung Nghĩa đạt 100%	Đạt
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm	100%	53/53 cơ sở đạt (100%).	Đạt
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm và tử vong do ngộ độc thực phẩm	Không	Trên địa bàn không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm và tử vong do ngộ độc thực phẩm không có.	Đạt
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm hoặc ký cam kết đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định	100%	06/06 cơ sở đạt (100%)	Đạt
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch	100%	2553/2553 hộ đạt (100%)	Đạt
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn đảm bảo vệ sinh môi trường	100%	Không có	Đạt
<b>19</b>	<b>Quốc phòng và An</b>	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Đạt	Đảm bảo công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, kế hoạch về công tác quốc phòng, quân sự địa phương	Đạt



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã (Đạt/chưa đạt)
	<b>ninh</b>	19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên (trừ trường hợp bất khả kháng)	Đạt	Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn nghiêm trọng trở lên	Đạt
		19.3. Có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) và cứu nạn, cứu hộ và có mô hình có sử dụng camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Tổ liên gia an toàn PCCC, làng quê an toàn, có 01 mô hình về sử dụng CAMERA an ninh toàn dân tham gia bảo vệ an ninh tổ quốc. Mô hình công trường an toàn	Đạt